



Tạp chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X



SỐ ĐẶC BIỆT

KỶ NIỆM 15 NĂM THÀNH LẬP TRƯỜNG

Số 2 (90)

2025

MỤC LỤC

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
1.	Xây dựng hệ sinh thái kinh tế số: Vai trò của giáo dục và nghiên cứu khoa học <i>Building a digital economy ecosystem: The role of education and scientific research</i>	Nguyễn Kế Nghĩa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	7-16
2.	Áp dụng trí tuệ nhân tạo dự báo nhu cầu và tối ưu hóa tồn kho tại Việt Nam <i>Applying artificial intelligence to forecast demand and optimize inventory in Vietnam</i>	Nguyễn Xuân Trang Trường Kinh Tế Tài Chính - Đại học Thủ Dầu Một	17-24
3.	Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế số - Bài học kinh nghiệm đối với tỉnh Hải Dương <i>Experiences of some localities in developing human resources for digital economic development - Lessons learned for Hai Duong province</i>	Vũ Hồng Phong; Phan Hoàng Đức; Vũ Văn Đông Trường Đại học Sao Đỏ	25-33
4.	Giải pháp phát huy tiềm năng và cơ hội tham gia, phát triển kinh tế số của thanh niên hiện nay <i>Solutions to promote the potential and opportunities to participate and develop the digital economy of youth</i>	Nguyễn Tuấn Anh Viện Nghiên cứu Thanh niên	34-43
5.	Nâng cao chất lượng nguồn lực giảng viên trong các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững <i>Improving the quality of teaching resources in higher education institutions to meet the needs of sustainable development</i>	Nguyễn Thị Hiền Oanh Trường Đại học Sài Gòn	44-52
6.	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý nền kinh tế số và hàm ý cho Việt Nam <i>International experiences in digital economy governance and policy implications for Vietnam</i>	Luyện Thùy Dung*, Bùi Tiến Thịnh Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	53-60
7.	Số hoá ngành du lịch Quảng Bình: cơ hội và thách thức trong chuyển đổi số <i>Digital Transformation of Quang Binh's Tourism Industry: Opportunities and Challenges</i>	Phan Thị Quỳnh Trang Trường Đại học Quảng Bình	61-69

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
8.	Khung năng lực nguồn nhân lực công nghệ thông tin trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Information technology human resource capacity framework in the context of digital transformation</i>	Lại Thị Hiếu Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì	70-76
9.	Thương mại điện tử góp phần quan trọng phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>E-commerce as a key driver of digital economy development in Vietnam</i>	Nguyễn Hữu Sơn Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	77-83
10.	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam hiện nay <i>Digital transformation in small and medium enterprises in Vietnam today</i>	Trần Đăng Sinh¹, Phùng Thị Lý² ¹ Hội triết học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ	84-93
11.	Chuyển đổi số ở thị trường lao động Việt Nam dưới góc nhìn xã hội học <i>Digital Transformation in the Vietnamese Labor Market: A Sociological Perspective</i>	Nguyễn Duy Thái^{1*}, Nguyễn Thị Hải Hà², Nguyễn Đức Chiện³ ¹ Tạp chí Xã hội học Việt Nam ² Trường Đại học Sao Đỏ ³ Viện Xã hội học	94-100
12.	Chuyển đổi số truy xuất nguồn gốc nông sản: kinh nghiệm quốc tế và gợi ý cho Việt Nam <i>Digital transformation in agricultural product traceability: international experiences and recommendations for Vietnam</i>	Lê Quý Dương^{1*}, Nguyễn Đức Chiện², Ngô Trung Thành³, Đinh Thị Thu Hằng³, Trần Thị Thu Thủy⁴ ¹ Viện nghiên cứu truyền thống và phát triển (TARDI) ² Viện Xã hội học – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam ³ Khoa Khoa học xã hội – Học viện Nông nghiệp Việt Nam ⁴ Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh Hải Dương	101-110
13.	Tác động của Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đến phong cách lãnh đạo doanh nghiệp <i>Impacts of the Fourth Industrial Revolution and the digital transformation upon business leadership style</i>	Lưu Ngọc Trinh^{1*}, Lê Đăng Minh² ¹ Đại học Công Nghệ Giao thông vận tải ² Đại học Công nghệ Sài Gòn	111-120

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
14.	Nỗ lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi số của Nhật Bản <i>Japan's Efforts in Promoting the Digital Transformation</i>	Phạm Thị Hồng Hoa¹, Lưu Ngọc Trinh^{2*} ¹ Trường Đại học Sao Đỏ ² Đại học Công nghệ Giao thông vận tải	121-131
15.	Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế số hiện nay: Cơ hội và thách thức <i>Agricultural Development in Today's Digital Economy: Opportunities and Challenges</i>	Nguyễn Thị Ngọc Mai Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi	132-140
16.	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào kinh tế số tại Việt Nam <i>Policies for attracting foreign investment into the digital economy in Vietnam</i>	Bùi Tiến Thịnh*, Nguyễn Thị Hoàng Mai Trường Đại học Tài Chính – Quản trị kinh doanh	141-148
17.	Kinh tế số trong ngành du lịch Việt Nam: Cơ hội và thách thức <i>Digital Economy in Vietnam tourism industry: Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Hoàng Mai¹, Nguyễn Thị Ngọc Mai² ¹ Viện nghiên cứu phát triển du lịch ² Trường Đại học Sao Đỏ	149-158
18.	Phát triển doanh nghiệp tư nhân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng trong nền kinh tế số <i>Developing private enterprises in Da Lat city, Lam Dong province in the digital economy</i>	Trương Minh Hoài^{1*}, Lê Thị Lại² ¹ Trường Đại học Đà Lạt ² Trường cao đẳng Đà Lạt	159-165
19.	Phổ cập hiểu biết ứng dụng fintech – Gợi ý giải pháp chuyển đổi số <i>Popularizing fintech application knowledge - Digital transformation solution suggestions</i>	Lê Thị Thúy Hà Phân hiệu Bắc Ninh – Học viện Ngân hàng	166-175
20.	Quá trình phát triển và xu hướng thị trường thương mại điện tử trong tương lai ở Việt Nam <i>The development process and future trends of the e-commerce market in Vietnam</i>	Nguyễn Thị Huế Trường Đại học Sao Đỏ	176-186
21.	Giải pháp phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions for agricultural and rural economic development in Vietnam in the digital era</i>	Ngô Thị Luyện Trường Đại học Sao Đỏ	187-194
22.	Một số giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong xây dựng kinh tế số tại Việt Nam <i>Some solutions for human resource development in building digital economy in Vietnam</i>	Hoàng Thị Hoa Trường Đại Học Sao Đỏ	195-204

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
23.	Ứng dụng AI trong hoạt động marketing tại doanh nghiệp - Cơ hội và thách thức <i>Applying AI in marketing activities at enterprises - Opportunities and challenges</i>	Nguyễn Thị Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	205-212
24.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong phát triển du lịch thông minh tại tỉnh Hải Dương <i>Application of artificial intelligence (AI) in tourism development smart in Hai Duong province</i>	Vũ Thị Hương Trường Đại học Sao Đỏ	213-221
25.	Hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế số <i>Accounting information systems in Vietnamese enterprises in the digital economy</i>	Vũ Thị Lý Trường Đại học Sao Đỏ	222-231
26.	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hàng tồn kho, hiệu quả tại doanh nghiệp <i>Application of information technology in inventory management, efficiency in business</i>	Vũ Thị Thanh Thủy Trường Đại học Sao Đỏ	232-240
27.	Kinh tế số và giải pháp phát triển mô hình kinh tế số tại Việt Nam <i>Digital economy and solutions for developing digital economic models in Vietnam</i>	Nguyễn Minh Tuấn* , Phạm Thị Hồng Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	241-249
28.	Ảnh hưởng của áp dụng trí tuệ nhân tạo đến năng suất lao động trong các doanh nghiệp thương mại điện tử tại Việt Nam <i>The influence of artificial intelligence adoption on workforce productivity in Vietnam e-commerce enterprises</i>	Nguyễn Thị Huyền Trang* , Trần Trọng Đức , Lê Khánh Duyên , Nguyễn Tuấn Minh , Nguyễn Hữu Hoàng Phúc , Đinh Thị Hồng Thắm Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	250-257
29.	Rủi ro gian lận báo cáo tài chính trong môi trường số và giải pháp kiểm toán số tại Việt Nam <i>Risk of financial reporting fraud in the digital environment and digital audit solutions in Vietnam</i>	Đinh Thị Kim Thiết Trường Đại học Sao Đỏ	258-265
30.	Hoàn thiện thể chế tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế số tại Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc <i>Perfecting the institutional framework as a prerequisite for digital economy development in Vietnam amidst the nation's rise</i>	Đậu Ngọc Linh Học viện cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh	266-273

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
31.	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế số và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Factors influencing digital economy development and policy implications for Vietnam</i>	Hồ Thị Hà Trường Kinh tế tài chính - Trường Đại học Thủ Dầu Một	274-281
32.	Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam: Thách thức và giải pháp <i>Promoting digital transformation in small and medium-sized enterprises (SMES) in Vietnam: Challenges and solutions.</i>	Nguyễn Thị Minh Hiếu^{1*}, Nguyễn Thị Huyền Trang² ¹ Trường Đại học Lao động Xã hội cơ sở II ² Trường Cao đẳng Công nghệ cao Đồng Nai	282-289
33.	Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế số ở Việt Nam hiện nay <i>Developing human resources to meet digital economy requirements in Vietnam today</i>	Tạ Thị Năm Trường Đại học Công đoàn	290-297
34.	Cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số <i>Improving assessment methods – enhancing student training quality in the context of digital transformation</i>	Nguyễn Thị Thuỳ Trinh Trường Cao đẳng Đà Lạt	298-305
35.	Giải pháp nâng cao năng lực số của giảng viên đại học trong giai đoạn chuyển đổi số <i>Solutions to improve digital capabilities of university lecturers during the digital transformation period</i>	Nguyễn Thị Hiền Học Viện Ngân Hàng - Phân Viện Phú Yên	306-316
36.	Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trong kỷ nguyên số <i>Solutions to promote digital transformation of small and medium enterprises of Vietnam in the digital age</i>	Đinh Mạnh Tuấn^{1*}, Lê Thanh Thảo² ¹ Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ ² Công ty IPCOM Vietnam	317-323
37.	Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy <i>Applying digital technology in teaching</i>	Nguyễn Thị Hồng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM	324-331
38.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng thông minh: Góc nhìn pháp lý trong bối cảnh phát triển kinh tế số <i>The validity conditions of smart contracts: A legal perspective in the context of digital economic development</i>	Nguyễn Phương Uyên*, Thái Trần Văn Huế, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Khánh Linh Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	332-339

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
39.	Phân tích tích hợp các đổi mới FinTech trong ngành ngân hàng: Những cải tiến và thách thức <i>Integrated Analysis of FinTech Innovations in Banking: Enhancements and Challenges</i>	Phí Văn Trọng* , Trần Thị Nam Thanh Trường Đại học Kinh tế quốc dân	340-349
40.	Một số vấn đề về chuyển đổi số trong lĩnh vực ngân hàng Việt Nam hiện nay <i>Some issues on digital transformation in the banking sector in Vietnam today</i>	Nguyễn Thị Huệ Viện Nghiên cứu Văn hoá – Viện Hàn lâm KHXHVN	360-359
41.	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế số của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập khu vực Châu Á - Thái Bình Dương hiện nay <i>Developing high-quality human resources to meet the demands of building Vietnam's digital economy in the context of regional integration in the Asia-Pacific today</i>	Tiêu Thị Thu Ngân* , Nguyễn Phương Linh , Vũ Tuấn Nghĩa Trường Đại học Ngoại thương	360-367
42.	Thực trạng chuyển đổi số ngành ngân hàng tại Việt Nam <i>The current situation of digital transformation of the banking industry in Vietnam</i>	Lương Thị Hoa Trường Đại học Sao Đỏ	368-376
43.	Giải pháp chuyển đổi số trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương <i>Solutions for digital transformation in accounting practices at businesses in Hai Duong province</i>	Nguyễn Thị Quỳnh Trường Đại học Sao Đỏ	377-385
44.	Phát triển năng lực số cho sinh viên các trường đại học trong giai đoạn hiện nay <i>Developing digital competencies for university students in the current context</i>	Nguyễn Thị Lý Trường Đại học Lâm nghiệp	386-394
45.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng hàng Việt trên sàn thương mại điện tử tại Việt Nam <i>Study on factors influencing Vietnamese consumer behavior on E-commerce platforms in Vietnam</i>	Trần Cương , Trần Thị Quý Chinh* Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	395-403

TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Trang
46.	Các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng công nghệ thông tin tại các doanh nghiệp Logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội <i>Factors influencing the application of information technology in Logistics Enterprises in Hanoi</i>	Trần Thị Quý Chinh* , Trần Cương , Nguyễn Thị Mai Anh , Phạm Thị Hương Giang Trường Kinh tế, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	404-412
47.	Sử dụng lý thuyết TAM trong nghiên cứu nhận thức và mức độ tương tác của giảng viên và sinh viên kế toán, kiểm toán với ứng dụng AI trong đào tạo đại học. <i>Utilizing TAM Theory to study the perception and interaction of accounting and auditing lecturers and students with AI-powered tools in higher education</i>	Phùng Đặng Diệp Chi , Nguyễn Khánh Ly , Nguyễn Thu Ngân , Phạm Thành Long* Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	413-421
48.	Áp dụng thuế bất động sản trong bối cảnh chuyển đổi số: Kinh nghiệm từ Nga, Hoa Kỳ, Singapore và hàm ý chính sách cho Việt Nam <i>Real estate taxation in the digital age: Implementation insights from Russia, the United States, Singapore, and policy implications for Vietnam</i>	Nguyễn Văn Lộc , Nguyễn Văn Phương , Phạm Ngọc Hương Quỳnh* Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	422-431
49.	Tác động của quản trị nhân sự số đến kết quả làm việc của nhân viên tại các cơ sở giáo dục tại Hà Nội <i>The impact of digital human resource management on employee performance in educational institutions in Ha Noi</i>	Nguyễn Minh Phương¹ , Đào Thị Hà Anh^{2*} , Nguyễn Văn Lộc² ¹ Trường Đại học Việt Nhật - Đại học Quốc gia Hà Nội ² Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội	432-441
50.	Một số vấn đề lý luận và thực tiễn giải pháp tăng cường thực thi chính sách hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam <i>Some theoretical and practical issues on solutions to strengthen the implementation of policies to support digital transformation for small and medium-sized enterprises in Vietnam</i>	Phạm Thanh Tùng Ban Tổ chức – Kiểm tra Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	442-450

Ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy Applying digital technology in teaching

Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG TP HCM

Email: hongnguyen@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 01/3/2025

Ngày nhận bài sửa theo phản biện: 24/4/2025

Ngày chấp nhận đăng: 11/5/2025

Tóm tắt

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, công nghệ số đã trở thành một phần không thể thiếu trong mọi lĩnh vực của đời sống, bao gồm cả giáo dục. Đối với ngành Xã hội học, một ngành khoa học nghiên cứu về các mối quan hệ xã hội, hành vi con người và các vấn đề xã hội, việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy không chỉ mang lại những cơ hội mới mà còn đặt ra nhiều thách thức. Bài tham luận này sẽ phân tích về việc ứng dụng công nghệ số trong công tác giảng dạy sinh viên ngành Xã hội học, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Từ khóa: Công nghệ giảng dạy; kỹ thuật số trong giảng dạy; sinh viên với kỹ thuật số; giảng viên với kỹ thuật số

Abstract

In the context of the 4.0 industrial revolution, digital technology has become an indispensable part in all areas of life, including education. For sociology, a scientific field that studies social relationships, human behavior and social issues, the application of digital technology in teaching not only brings new opportunities but also poses many challenges. This paper will analyze in depth the application of digital technology in teaching sociology students, thereby proposing solutions to improve training quality.

Keywords: Instructional Technology; digital in teaching; students with digital; lecturers with digital.

1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG NGHỆ SỐ TRONG GIÁO DỤC

Công nghệ số bao gồm các công cụ, phần mềm, nền tảng trực tuyến và các thiết bị kỹ thuật số như máy tính, điện thoại thông minh, máy tính bảng, và các hệ thống quản lý học tập (LMS). Đây là

một yếu tố quan trọng trong bối cảnh giáo dục hiện đại, khi mà sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số thay đổi không chỉ cách thức học mà còn cả cách thức giảng dạy. Những công nghệ này đã thay đổi cách thức giảng dạy và học tập, mang lại nhiều lợi ích như:

- Tính linh hoạt: Sinh viên có thể học mọi lúc, mọi nơi thông qua các khóa học trực tuyến.

- Tương tác đa chiều: Công nghệ số cho phép giảng viên và sinh viên tương tác qua các diễn đàn trực tuyến, chat, video call, và các công cụ cộng tác trực tuyến.

- Tiếp cận nguồn tài nguyên phong phú: Sinh viên có thể truy cập vào các thư viện số, bài giảng điện tử, và các nguồn tài liệu mở (OER).

2. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG GIẢNG DẠY

Ngành Xã hội học là một ngành khoa học xã hội đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về con người và xã hội. Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy ngành này mang lại nhiều lợi ích cụ thể:

2.1. Sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu

SPSS, STATA, R: Các phần mềm này giúp sinh viên phân tích dữ liệu xã hội học một cách chính xác và hiệu quả. Giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên sử dụng các công cụ này để xử lý dữ liệu từ các cuộc khảo sát, phỏng vấn và nghiên cứu định lượng.

Phân tích dữ liệu lớn (Big Data): Công nghệ số cho phép sinh viên tiếp cận với các nguồn dữ liệu lớn từ mạng xã hội, giúp họ hiểu rõ hơn về các xu hướng xã hội và hành vi con người.

2.2. Học tập trực tuyến và hỗn hợp

- Khóa học trực tuyến: Các nền tảng như Coursera, edX, và FutureLearn cung cấp nhiều khóa học về xã hội học, giúp sinh viên mở rộng kiến thức và kỹ năng.

- Học tập hỗn hợp (Blended Learning): Kết hợp giữa học trực tuyến và học trên

lớp, phương pháp này giúp sinh viên chủ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức.

2.3. Sử dụng công cụ mô phỏng và trò chơi giáo dục

- Mô phỏng xã hội: Các phần mềm mô phỏng giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các hiện tượng xã hội phức tạp, như phân tầng xã hội, bất bình đẳng, và động lực nhóm.

- Trò chơi giáo dục: Các trò chơi mô phỏng tình huống xã hội giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề.

2.4. Tích hợp công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR)

- Thực tế ảo (VR): Sinh viên có thể tham gia vào các môi trường ảo để nghiên cứu các hiện tượng xã hội, như các cộng đồng ảo hoặc các tình huống xung đột xã hội.

- Thực tế tăng cường (AR): AR có thể được sử dụng để hiển thị thông tin xã hội học trong thời gian thực, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các khái niệm phức tạp.

2.5. Sử dụng mạng xã hội và diễn đàn trực tuyến

- Mạng xã hội: Các nền tảng như Facebook, Twitter, và LinkedIn có thể được sử dụng để tạo các nhóm học tập, thảo luận về các vấn đề xã hội, và chia sẻ tài liệu học tập.

- Diễn đàn trực tuyến: Các diễn đàn học thuật giúp sinh viên trao đổi ý kiến, đặt câu hỏi, và nhận phản hồi từ giảng viên và bạn bè.

3. THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Thách thức

Công tác giảng dạy sinh viên ứng dụng kỹ thuật số đối mặt với nhiều thách thức,

đặc biệt trong bối cảnh công nghệ phát triển nhanh chóng và yêu cầu ngày càng cao từ thị trường lao động.

- Thiếu cơ sở vật chất và công nghệ

+ Hạ tầng kỹ thuật số không đồng bộ: Nhiều trường đại học thiếu cơ sở vật chất hiện đại như máy tính, phần mềm chuyên dụng, và kết nối internet tốc độ cao.

+ Chi phí đầu tư cao: Việc trang bị công nghệ mới đòi hỏi ngân sách lớn, trong khi nhiều trường không đủ khả năng tài chính.

- Đào tạo và nâng cao năng lực giảng viên

+ Thiếu giảng viên có chuyên môn sâu về kỹ thuật số: Nhiều giảng viên chưa được đào tạo bài bản về các công nghệ mới, dẫn đến khó khăn trong việc truyền đạt kiến thức.

+ Cập nhật kiến thức liên tục: Công nghệ thay đổi nhanh chóng, đòi hỏi giảng viên phải liên tục học hỏi và cập nhật kiến thức mới.

- Chương trình đào tạo chưa linh hoạt

+ Chương trình cứng nhắc: Nhiều chương trình đào tạo chưa theo kịp xu hướng công nghệ, dẫn đến sinh viên không được trang bị đủ kỹ năng cần thiết.

+ Thiếu tính thực tiễn: Nội dung giảng dạy đôi khi quá lý thuyết, không gắn liền với thực tế công việc.

- Sự chênh lệch về kỹ năng số của sinh viên

+ Khả năng tiếp cận công nghệ khác nhau: Không phải tất cả sinh viên đều có điều kiện tiếp cận với công nghệ số, dẫn đến sự bất bình đẳng trong học tập. Sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau có mức độ tiếp cận và hiểu biết về công nghệ

khác nhau, gây khó khăn cho việc giảng dạy đồng đều.

+ Thiếu kỹ năng cơ bản: Nhiều sinh viên chưa thành thạo các kỹ năng số cơ bản như sử dụng phần mềm, lập trình, hay phân tích dữ liệu.

- Thiếu sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành

+ Thiếu cơ hội thực hành: Sinh viên không có nhiều cơ hội thực hành với các công cụ và công nghệ thực tế, dẫn đến việc học tập không hiệu quả.

+ Thiếu hợp tác với doanh nghiệp: Sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp còn hạn chế, khiến sinh viên không được tiếp xúc với các dự án thực tế.

- Thách thức về tâm lý và động lực học tập

+ Áp lực từ công nghệ mới: Sinh viên có thể cảm thấy choáng ngợp trước sự phức tạp của các công nghệ mới, dẫn đến thiếu động lực học tập.

+ Thiếu định hướng rõ ràng: Nhiều sinh viên chưa hiểu rõ tầm quan trọng của kỹ thuật số trong tương lai nghề nghiệp.

- Vấn đề bảo mật và đạo đức kỹ thuật số

+ Nhận thức về bảo mật thông tin: Sinh viên cần được đào tạo về bảo mật dữ liệu và đạo đức trong sử dụng công nghệ, nhưng điều này thường bị bỏ ngỏ.

+ Nguy cơ lạm dụng công nghệ: Việc sử dụng công nghệ không đúng cách có thể dẫn đến các vấn đề như vi phạm bản quyền, lừa đảo trực tuyến, hoặc xâm phạm quyền riêng tư.

- Thách thức từ sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ

+ Công nghệ lỗi thời nhanh chóng: Kiến thức và kỹ năng được giảng dạy có thể

trở nên lỗi thời chỉ sau vài năm, đòi hỏi sự cập nhật liên tục.

+ Khó dự đoán xu hướng tương lai: Việc dự đoán các công nghệ sẽ phát triển trong tương lai là rất khó, gây khó khăn cho việc xây dựng chương trình đào tạo phù hợp.

3.2. Giải pháp

- Đào tạo kỹ năng công nghệ: Tổ chức các khóa đào tạo về công nghệ số cho cả giảng viên và sinh viên. Các hình thức tổ chức khóa đào tạo như học trực tuyến (E-learning):

+ Sử dụng các nền tảng học tập trực tuyến để linh hoạt về thời gian và địa điểm.

+ Học kết hợp (Blended Learning): Kết hợp giữa học trực tuyến và các buổi hướng dẫn trực tiếp.

+ Workshop và hội thảo chuyên đề: Tổ chức các buổi thực hành, thảo luận nhóm để nâng cao kỹ năng.

+ Hackathon và cuộc thi công nghệ: Tạo cơ hội cho sinh viên và giảng viên thực hành và sáng tạo.

Sau mỗi khóa học đánh giá và cấp chứng chỉ thông qua bài tập, dự án, và bài kiểm tra.

- Hỗ trợ tài chính: Cung cấp học bổng và hỗ trợ tài chính để sinh viên có thể mua các thiết bị công nghệ cần thiết. Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ sinh viên như Quyết định số 09/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 về tín dụng đối với học sinh sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến với mức vốn cho vay tối đa 10 triệu đồng/học sinh, sinh viên với thời hạn cho vay tối đa 36 tháng. Tuy nhiên đến

ngày 05/02/2024, Chính phủ ký Quyết định số 02/2024/QĐ-TTg bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 09/2022/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến (Quyết định này có hiệu lực từ ngày 30/3/2024). Thực tiễn cho thấy sau 2 năm triển khai thực hiện Quyết định số 09/2022, Ngân hàng Chính sách Xã hội đã giải ngân hơn 901 tỷ đồng để giúp học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình theo chuẩn quy định của pháp luật hoặc hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn mua gần 90,1 nghìn máy tính, thiết bị học tập trực tuyến. Chính phủ cần tiếp tục duy trì và nâng cấp vốn nhiều hơn cho chương trình mang lại nhiều giá trị về nhân văn và gia tăng về nguồn lực cho sinh viên học sinh có điều kiện tiếp cận nguồn kiến thức vô hạn trong không gian mạng.

- Đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ: Nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại là một yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và quản lý.

+ Nâng cao chất lượng giáo dục: Hỗ trợ giảng dạy và học tập hiệu quả thông qua các công cụ công nghệ hiện đại.

+ Hỗ trợ nghiên cứu khoa học: Cung cấp các công cụ và nền tảng công nghệ để thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới.

+ Cải thiện hiệu quả quản lý: Tối ưu hóa quy trình quản lý thông qua các hệ thống phần mềm và tự động hóa.

+ Tăng cường trải nghiệm người dùng: Đảm bảo sinh viên, giảng viên và nhân viên có thể truy cập và sử dụng các dịch vụ công nghệ một cách thuận tiện và hiệu quả.

+ Đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa: Chuẩn bị cho các xu hướng công nghệ mới như AI, IoT, Big Data, và học tập trực tuyến.

- Cập nhật chương trình đào tạo: Xây dựng chương trình linh hoạt, gắn liền với thực tiễn. Việc cập nhật thường xuyên chương trình đào tạo trong các trường đại học là một yêu cầu thiết yếu để đảm bảo chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của xã hội và thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thế giới.

- Đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động

+ Thay đổi nhu cầu nhân lực: Các ngành nghề và kỹ năng cần thiết trên thị trường lao động thay đổi liên tục do sự phát triển của công nghệ, kinh tế và xã hội. Chương trình đào tạo cần được cập nhật để sinh viên có thể trang bị những kiến thức và kỹ năng phù hợp với nhu cầu hiện tại.

+ Xu hướng nghề nghiệp mới: Nhiều ngành nghề mới xuất hiện (ví dụ: AI, Data Science, Digital Marketing) đòi hỏi các trường đại học phải điều chỉnh chương trình để đào tạo nhân lực cho những lĩnh vực này.

- Theo kịp sự phát triển của khoa học và công nghệ

+ Công nghệ thay đổi nhanh chóng: Các tiến bộ công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet of Things (IoT), blockchain, và tự động hóa đang thay đổi cách chúng ta làm việc và sống. Chương trình đào tạo cần tích hợp những kiến

thức mới này để sinh viên không bị lạc hậu.

+ Công cụ và phương pháp mới: Các phương pháp nghiên cứu, công cụ phân tích dữ liệu và kỹ thuật giảng dạy hiện đại cần được đưa vào chương trình để nâng cao hiệu quả học tập.

- Đảm bảo chất lượng giáo dục

+ Cạnh tranh giữa các trường đại học: Để thu hút sinh viên và duy trì vị thế, các trường đại học cần cung cấp chương trình đào tạo chất lượng, cập nhật và phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.

+ Đáp ứng tiêu chuẩn kiểm định: Các cơ quan kiểm định giáo dục thường yêu cầu chương trình đào tạo phải được cập nhật thường xuyên để đảm bảo chất lượng và tính liên quan.

- Phát triển kỹ năng mềm và năng lực toàn diện

+ Kỹ năng thế kỷ 21: Ngoài kiến thức chuyên môn, sinh viên cần được trang bị các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp và sáng tạo. Chương trình đào tạo cần được điều chỉnh để tích hợp các kỹ năng này.

+ Khả năng thích ứng: Trong bối cảnh thế giới thay đổi nhanh chóng, sinh viên cần được học cách thích ứng và học tập suốt đời.

- Hội nhập quốc tế

+ Chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quốc tế: Các trường đại học cần cập nhật chương trình đào tạo để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc ở nước ngoài.

+ Liên kết với các trường đại học và doanh nghiệp quốc tế: Việc cập nhật

chương trình giúp tạo điều kiện hợp tác, trao đổi sinh viên và giảng viên với các tổ chức quốc tế.

- Đáp ứng yêu cầu của sinh viên và xã hội

+ Nhu cầu của sinh viên: Sinh viên ngày nay mong muốn được học những kiến thức mới, thực tế và có tính ứng dụng cao. Chương trình đào tạo cần linh hoạt để đáp ứng mong đợi này.

+ Trách nhiệm xã hội: Các trường đại học có trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Thích ứng với phương pháp giảng dạy mới

+ Chuyển đổi số trong giáo dục: Sự phát triển của công nghệ giáo dục (EdTech) đòi hỏi các trường đại học phải tích hợp phương pháp giảng dạy trực tuyến, blended learning (học tập kết hợp) và các công cụ hỗ trợ học tập hiện đại.

+ Học tập cá nhân hóa: Chương trình đào tạo cần được thiết kế linh hoạt để phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng sinh viên.

- Đáp ứng yêu cầu pháp lý và chính sách giáo dục

+ Thay đổi chính sách giáo dục: Các quy định và chính sách giáo dục của nhà nước có thể thay đổi, đòi hỏi các trường đại học phải điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp.

+ Đáp ứng yêu cầu của các tổ chức chuyên môn: Một số ngành nghề yêu cầu chương trình đào tạo phải tuân thủ các tiêu chuẩn cụ thể (ví dụ: y khoa, kỹ thuật, luật).

- Thúc đẩy nghiên cứu và đổi mới

+ Cập nhật kiến thức mới: Chương trình đào tạo cần phản ánh những phát triển mới nhất trong nghiên cứu khoa học và công nghệ.

+ Khuyến khích tư duy sáng tạo: Chương trình đào tạo hiện đại giúp sinh viên phát triển tư duy đổi mới và khả năng nghiên cứu độc lập.

- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp: Trong suốt thời gian học tập, phần lớn thời lượng học trên trường là thời gian sinh viên tiếp nhận, trau dồi kiến thức chuyên ngành. Thời gian thực tập doanh nghiệp chính là cơ hội để sinh viên trực tiếp áp dụng những kiến thức đã tiếp thu được trong nhà trường vào môi trường làm việc thực tiễn. Môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp sẽ giúp sinh viên học hỏi được những kiến thức mới mẻ, khác xa so với những kiến thức mà bản thân sinh viên tiếp thu được khi ngồi trên ghế nhà trường. Dù ở vị trí là thực tập sinh, nhưng bản thân sinh viên sẽ phải hoàn thành công việc được giao phù hợp với năng lực và yêu cầu hoàn thành như một nhân viên thực thụ của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ sinh viên yếu kém:

+ Đào tạo và hướng dẫn cơ bản: Các khóa học đào tạo về công nghệ cơ bản, từ việc sử dụng máy tính, phần mềm văn phòng cho đến các kỹ năng internet cơ bản (tìm kiếm, bảo mật online, sử dụng các công cụ học tập trực tuyến...). Cung cấp các buổi hướng dẫn trực tiếp hoặc qua video để đảm bảo sinh viên nắm vững kiến thức nền tảng.

+ Chương trình mentoring: Các chương trình hướng dẫn cá nhân hoặc nhóm từ

những sinh viên có kỹ năng tốt hơn có thể giúp sinh viên yếu kém cải thiện khả năng công nghệ. Những buổi hướng dẫn này có thể giúp họ không chỉ về mặt lý thuyết mà còn thực hành.

+ Tạo môi trường học tập trực tuyến thân thiện: Sử dụng các công cụ học tập trực tuyến để sử dụng và thân thiện với người mới bắt đầu, đồng thời cung cấp tài liệu hướng dẫn chi tiết cho sinh viên về cách tham gia vào các lớp học online hoặc các công cụ học tập.

+ Hỗ trợ kỹ thuật kịp thời: Các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, chẳng hạn như các buổi tư vấn trực tuyến, hỗ trợ qua email hoặc qua điện thoại, sẽ giúp sinh viên giải quyết các vấn đề khi gặp khó khăn trong việc sử dụng công nghệ.

+ Cung cấp thiết bị và phần mềm miễn phí hoặc giá rẻ: Một số sinh viên có thể gặp khó khăn vì thiếu thiết bị hoặc phần mềm. Các trường đại học có thể cung cấp các thiết bị như laptop, phần mềm học tập miễn phí hoặc giá ưu đãi để giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận công nghệ.

+ Khuyến khích học tập nhóm: Học nhóm cũng là một cách để sinh viên yếu kém học hỏi từ các bạn cùng lớp. Các nhóm học có thể giúp họ trao đổi, hỗ trợ nhau về cách sử dụng công nghệ, từ đó cải thiện kỹ năng cá nhân.

+ Sử dụng các ứng dụng học tập: Các ứng dụng học tập hoặc các phần mềm học lập trình như Scratch có thể giúp sinh viên dần làm quen và phát triển kỹ năng công nghệ một cách nhẹ nhàng và thú vị.

+ Đào tạo giáo viên, giảng viên: Các giảng viên cũng cần được đào tạo để có

thể hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong việc sử dụng công nghệ hiệu quả trong học tập. Giảng viên nên có phương pháp tiếp cận linh hoạt và dễ hiểu cho các sinh viên yếu về công nghệ.

- Giáo dục về đạo đức và bảo mật:

+ Tích hợp giáo dục pháp luật và đạo đức vào chương trình giảng dạy: Bổ sung các môn học hoặc khóa học về pháp luật và đạo đức trong lĩnh vực công nghệ thông tin và bảo mật. Nội dung có thể bao gồm các vấn đề pháp lý liên quan đến bảo mật thông tin, quyền riêng tư, trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng công nghệ và các quy định của pháp luật liên quan đến an ninh mạng. Mỗi khóa học cần được thiết kế sao cho sinh viên không chỉ hiểu rõ các quy định pháp luật mà còn nhận thức được tầm quan trọng của đạo đức trong việc bảo vệ thông tin cá nhân và quyền riêng tư của người khác.

+ Tổ chức các buổi hội thảo, tọa đàm và các chương trình ngoại khóa: Các buổi tọa đàm, hội thảo về bảo mật thông tin và đạo đức sử dụng công nghệ sẽ giúp nâng cao nhận thức cho sinh viên và người học. Các chuyên gia về pháp luật và bảo mật thông tin có thể chia sẻ về những quy định pháp lý mới nhất, các tình huống thực tế, cũng như các nguyên tắc đạo đức khi sử dụng công nghệ. Các buổi hội thảo này cũng giúp sinh viên nhận thức được các rủi ro và hậu quả có thể xảy ra nếu vi phạm các quy định bảo mật hoặc đạo đức trong việc sử dụng công nghệ.

+ Giáo dục nhận thức về quyền riêng tư và bảo mật thông tin: Cung cấp kiến thức cơ bản về bảo mật thông tin cá nhân và quyền riêng tư

trong môi trường số. Sinh viên cần hiểu rõ những thông tin nào cần bảo vệ, cách thức bảo vệ và những hành vi nào là vi phạm pháp luật trong việc sử dụng thông tin cá nhân của người khác. Các chương trình giáo dục có thể bao gồm việc sử dụng mật khẩu mạnh, bảo vệ tài khoản trực tuyến, và cách thức tránh bị lừa đảo qua mạng.

+ Xây dựng các tình huống thực tế (case study): Đưa vào giảng dạy các tình huống thực tế để sinh viên có thể áp dụng kiến thức về pháp luật và đạo đức vào các tình huống cụ thể. Ví dụ, tình huống vi phạm bản quyền phần mềm, lộ thông tin cá nhân do hacker tấn công, hoặc việc sử dụng dữ liệu của người khác mà không có sự cho phép. Qua đó, sinh viên sẽ học cách phân tích và giải quyết các vấn đề bảo mật thông tin từ góc độ pháp lý và đạo đức.

4. KẾT LUẬN

Việc ứng dụng công nghệ số trong giảng dạy ngành xã hội học mang lại nhiều cơ hội để nâng cao chất lượng đào tạo và trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong thời đại số. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa

tiềm năng của công nghệ số, cần có sự đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng, đào tạo kỹ năng và xây dựng chính sách phù hợp. Chỉ khi đó, công nghệ số mới thực sự trở thành công cụ hữu ích trong việc đào tạo thế hệ sinh viên xã hội học có năng lực và sẵn sàng đối mặt với các thách thức của xã hội hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Castells, M. (2010). *The Rise of the Network Society*. Wiley-Blackwell.
2. Selwyn, N. (2016). *Is Technology Good for Education?* Polity Press.
3. UNESCO. (2020). *Education in a Post-COVID World: Nine Ideas for Public Action*.
4. Warschauer, M. (2003). *Technology and Social Inclusion: Rethinking the Digital Divide*. MIT Press.
5. Nghiêm Huê, Dừng chương trình tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, <https://tienphong.vn/dung-chuong-trinh-tin-dung-doi-voi-hoc-sinh-sinh-vien-co-hoan-canhh-gia-dinh-kho-khan-de-mua-may-tinh>.

THÔNG TIN TÁC GIẢ:

Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM

Email: hongnguyen@hcmussh.edu.vn

Điện thoại: 091.3644443



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- Số 1: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Số 2: Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại: (0220) 3882 269 Fax: (0220) 3882 921 Website: <http://saodo.edu.vn> Email: info@saodo.edu.vn

**P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X**

Số 2 (90)

2025

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.